

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-ST.
Ngày: 29-01-2026.
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Siêng.
Ông Lê Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 747/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 746/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngô Thị Kim C, sinh năm 19663

CCCD số: 082163013848.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà C xin vắng mặt; ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị Kim C trình bày:

Bà có với ông Nguyễn Văn Q có mối quan hệ quen biết nhau. Bà có mở đại lý vé số và cũng là đầu thảo hụi, ông Q là hụi viên.

Ông Nguyễn Văn Q có vay tiền của bà để lấy vé số bán và mượn tiền hội của bà hội cụ thể như sau:

+ Hợp đồng vay tài sản:

- Ngày 02/5/2024, ông Q vay số tiền 40.000.000 đồng.

- Ngày 12/6/2024, ông Q vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 27/5/2024, ông Q vay số tiền 15.000.000 đồng.

Thời hạn trả là 01 tháng tính từ ngày vay, lãi suất 3%/tháng.

- Ngày 25/8/2024, ông Q vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả là 90 ngày tính từ ngày vay, lãi suất 3%/tháng.

- Ngày 07/10/2024, ông Q vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn trả là 01 tháng tính từ ngày vay, lãi suất 3%/tháng.

Có lập biên nhận và ông Q có ký tên xác nhận số tiền trên.

Tổng số tiền ông Q vay của bà là 225.000.000 đồng.

+ Hợp đồng mượn tiền hội: Ông Q có mượn hội của bà 02 lần tiền hội:

- Lần 01: Mượn vào ngày 25/6/2024 số tiền 20.100.000 đồng.

- Lần 02: Mượn tiền vào ngày 10/6/2024 số tiền 51.500.000 đồng.

Có lập biên nhận và ông Q có ký tên xác nhận số tiền trên.

Tổng 02 lần ông Q nợ bà số tiền là 71.600.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Q chưa trả vốn và lãi cho bà lần nào.

Ông Q cũng không đóng hội cho bà. Bà nhắc nhở ông Q trả tiền cho bà nhiều lần nhưng ông Q cứ hẹn lần, hẹn lượt làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Hiện nay, ông Nguyễn Văn Q vẫn còn nợ bà số tiền nợ vay là 225.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả; tiền mượn hội là 71.600.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vay và hội tổng cộng là 296.600.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng như sau:

- Tiền vốn vay là 225.000.00 đồng tính từ ngày 07/10/2024 cho đến khi giải quyết xong (tạm tính đến ngày 07/11/2025 là 13 tháng, thành tiền là 48.555.000 đồng).

- Tiền nợ hội là 71.600.000 đồng tính từ ngày 25/6/2024 cho đến khi giải quyết xong (tạm tính đến ngày 25/11/2025 là 17 tháng, thành tiền là 20.205.520 đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các

văn bản tố tụng nhưng ông Q vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Ngô Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q trả tiền vay và tiền hui nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn bà Ngô Thị Kim C có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bà C và ông Q.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà C yêu cầu ông Q trả số tiền vay 225.000.000 đồng do ông Q vay làm nhiều lần của bà C vào ngày 02/5/2024 số tiền 40.000.000 đồng, ngày 02/6/2024 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 27/5/2024 số tiền 15.000.000 đồng, ngày 25/8/2024 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 07/10/2024 số tiền 40.000.000 đồng, ông Q có viết và ký tên biên nhận cho bà C đối với các khoản tiền vay, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng ông Q không đóng lãi cho bà C cũng không trả tiền vốn dù đã đến hạn trả tiền bà C đã nhiều lần đòi ông Q trả số tiền trên nên bà C khởi kiện. Ngoài ra, bà C còn yêu cầu ông Q trả số tiền hui đã mượn của bà C vào ngày 10/6/2024 số tiền 51.500.000 đồng, ngày 25/6/2024 số tiền 20.100.000 đồng, tổng cộng 71.600.000 đồng, ông Q có viết biên nhận nhận tiền hui cho bà C nhưng ông Q không đóng hui chết cho bà C. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà C đã cung cấp cho Tòa án các biên nhận tiền vay và tiền hui do ông Q viết và ký tên cho bà C vào ngày 02/5/2024, 27/5/2024, 25/8/2024, 07/10/2024, 10/6/2024 và 25/6/2024.

[3.2] Tại phiên tòa, bà C xin vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu ông Q trả số tiền vay 225.000.000 đồng và tiền hui 71.600.000 đồng. Phía ông Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Q vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy

ông Q đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Q còn nợ bà C số tiền vay 225.000.000 đồng, số tiềnhui 71.600.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông Q có nghĩa vụ trả bà C số tiền vay 255.000.000 đồng và tiền hui 71.600.000 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Xét bà C yêu cầu ông Q trả lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 225.000.000 đồng từ ngày 07/10/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện và đối với số tiền 71.600.000 đồng từ ngày 25/6/2024 đến ngày Tòa án xét xử là có cơ sở vì bà C và ông Q đã có thỏa thuận trả lãi suất khi thực hiện giao dịch và mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, lãi suất của số tiền 225.000.000 đồng từ ngày 07/10/2024 đến ngày 29/01/2026 được tính là $225.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 15 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 58.764.000 \text{ đồng}$ và lãi suất của số tiền 71.600.000 đồng từ ngày 25/6/2024 đến ngày 29/01/2026 được tính là $71.600.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 19 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 22.741.114 \text{ đồng}$, tổng cộng tiền lãi là 81.505.114 đồng nên buộc ông Q phải trả cho bà C cả vốn và lãi là 378.105.114 đồng.

[3.4] Về thời gian trả tiền: Bà C yêu cầu ông Q trả cho bà C số tiền 378.105.114 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của bà C làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Q trả cho bà C số tiền 378.105.114 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được Tòa án chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim C.

Buộc ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Kim C số tiền 378.105.114 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu một trăm lẻ năm ngàn một trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày bà Ngô Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn Q không trả số tiền trên thì hàng tháng ông Q phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 18.905.255 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

3. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

